

TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

Họ và tên:.....

Lớp: 9

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II.**NĂM HỌC 2024-2025****Môn: Ngữ văn – Lớp 9****Thời gian: 90 phút (Không kể giao đề)**

<u>Điểm:</u>	<u>Nhận xét của GV:</u>

Phần I. Đọc - hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

Tôi rất thích hoa bồ công anh, không phải là đóa hoa vàng rực rỡ mà là đóa hoa bạc trắng đã sẵn sàng cho chuyến phiêu lưu. Có lẽ không có loài hoa nào có vẻ ngoài mảnh mai, yếu đuối nhưng lại có cá tính mạnh mẽ như bồ công anh. Chúng là những nhà thám hiểm bẩm sinh, những “phượt thủ” mang sinh mệnh của mình trên đôi cánh. Đó không chỉ là sinh mệnh của một hạt giống đơn thuần mà còn là hy vọng và tương lai của thế hệ kế cận. Nhựa sống của bồ công anh tích tụ trong những nhánh hoa nhỏ bé, chỉ đợi một cơn gió nổi chúng sẽ tung mình bay đến những miền đất mới....

Nếu bồ công anh không can đảm gửi những thế hệ non nớt đến vùng đất mới, chúng có thể chết vì cạn kiệt nguồn nước, chất dinh dưỡng. Sống chen chúc trong vùng an toàn chật hẹp sẽ khiến chúng bị hủy diệt vì không đủ không gian. Chỉ có cách phiêu lưu, sinh sôi và tiếp tục mở rộng lãnh thổ thì mới có cơ hội duy trì sự tồn tại của giống loài.

Vậy đó, cuộc sống đôi khi buộc chúng ta phải mạo hiểm bước ra khỏi vùng an toàn để tìm kiếm sự an toàn. Nhưng chúng ta đã được chuẩn bị gì cho chuyến đi dài đó? Chúng ta có bạn đồng hành hay chỉ là một hạt cát đơn côi trong chuyến đi của cuộc đời mình?

(Trích *Đến cỏ dại còn đang hoàng mà sống* – Phạm Sỹ Thanh, NXB Thế giới, 2019, tr. 235-236)

*** Chọn và ghi vào giấy làm bài chữ cái A, B, C hoặc D đứng trước phương án trả lời đúng (từ câu 1 đến câu 4)**

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên là gì?

A. Truyện ngắn

B. Văn bản thông tin

C. Truyện trinh thám

D. Văn bản nghị luận

Câu 2. Tác giả thích hoa bồ công anh vì đặc điểm gì?

A. Vì là đóa hoa vàng rực rỡ, đã sẵn sàng cho chuyến phiêu lưu.

B. Vì loài hoa nhỏ bé đáng yêu đã sẵn sàng cho chuyến phiêu lưu.

C. Vì là đóa hoa bạc trắng đã sẵn sàng cho chuyến phiêu lưu.

D. Vì loài hoa có vẻ mảnh mai đã sẵn sàng cho chuyến phiêu lưu.

Câu 3. Câu “*Có lẽ không có loài hoa nào có vẻ ngoài mảnh mai, yếu đuối nhưng lại có cá tính mạnh mẽ như bồ công anh.*” thuộc kiểu câu gì?

A. Câu đơn. B. Câu ghép. C. Câu rút gọn. D. Câu đặc biệt.

Câu 4. Đây là nghĩa của từ “*Nhà thám hiểm*” được sử dụng trong văn bản?

- A. Là người đam mê những chuyến đi khám phá bằng xe máy.
- B. Là người đi vào vùng xa lạ hoặc hiểm trở ít ai đặt chân tới.
- C. Là người đi du lịch, chụp ảnh viết lại chuyến đi của mình.
- D. Là người hướng dẫn các đoàn du lịch đến những vùng đất lạ.

*** Trả lời câu hỏi vào giấy làm bài.**

Câu 5. Xác định tên và tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “*Nếu bỏ công anh không can đảm gửi những thế hệ non nớt đến vùng đất mới, chúng có thể chết vì cạn kiệt nguồn nước, chất dinh dưỡng*”

Câu 6. Thông điệp ý nghĩa nhất mà em rút ra từ văn bản trên là gì?

Câu 7. Từ đoạn kết của văn bản trên, với em có thể nói kì thi tuyển sinh vào lớp 10 sắp tới cũng là một chuyến đi. Vậy em đã chuẩn bị gì cho chuyến đi đó, hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 5 câu về sự chuẩn bị đó?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết: Là một học sinh, theo em làm thế nào để sử dụng điện thoại thông minh hợp lý và hiệu quả?

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2024-2025

Môn: Ngữ văn – Lớp 9

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc – hiểu.	5.0
	1	D	0.5
	2	C	0.5
	3	A	0.5
	4	B	0.5
	5	* Mức 1: - Biện pháp tu từ nhân hoá : can đảm, gửi những thế hệ. - Tác dụng: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu văn, làm cho câu văn trở nên hấp dẫn, ấn tượng hơn: hoa bồ công anh trở nên sống động và gần gũi với con người. + Giúp cho người đọc cảm nhận được loài hoa có thể biểu hiện được lòng can đảm, hành động như con người. * Mức 2: Học sinh trả lời đúng ý nào ở mức 1 thì ghi điểm ý đó. * Mức 3: Không đúng ý nào ở mức 1 hoặc bỏ giấy trắng.	0.5 0.25 0.25 0.25 – 0.75 0
	6	- Học sinh nêu được thông điệp có ý nghĩa, hợp lí. * Gợi ý: Thông điệp có thể rút ra: + Cần phải học cách sống kiên cường, mạnh mẽ; dũng cảm lựa chọn đối mặt với những khó khăn, thử thách để thay đổi bản thân. + Cần phải mạo hiểm bước ra khỏi vùng an toàn để tìm kiếm những cơ hội mới cho chính mình....	0.5 0.5
	7	Học sinh nêu được những sự chuẩn bị hợp lí; đảm bảo số câu, yêu cầu của đoạn văn. * Gợi ý: - Chuẩn bị về tâm lí, sức khoẻ... - Chuẩn bị về kiến thức các môn thi và kĩ năng làm bài...	0.5 0.5

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Tiêu chí	Nội dung, yêu cầu cần đạt	Điểm
a. Đảm bảo yêu cầu về bố cục.	Bố cục: mở bài, thân bài, kết bài của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.	0,5
b. Đảm bảo về phương pháp	- Triển khai lập luận mạch lạc, chặt chẽ;	1,0

viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội)	- Biết nêu luận điểm; lựa chọn lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu; sử dụng kết hợp lí lẽ và bằng chứng để giải quyết vấn đề một cách thuyết phục.	
Học sinh có thể trình bày nhiều cách phân tích, giải quyết vấn đề nêu trong đề bài. Sau đây là gợi ý về một hướng giải quyết vấn đề.		3,0
Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.	Giới thiệu vấn đề việc sử dụng điện thoại thông minh hiện nay trong học sinh.	0,25
Thân bài: Triển khai thành hệ thống luận điểm.	- Luận điểm 1: Giải thích: Sử dụng điện thoại thông minh hợp lý và hiệu quả có nghĩa là sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, đúng mục đích và biết kiểm soát thời gian sử dụng. Điều này bao gồm việc sử dụng điện thoại để hỗ trợ học tập, tra cứu thông tin, liên lạc với bạn bè và gia đình, giải trí lành mạnh và tham gia các hoạt động xã hội tích cực. Đồng thời, học sinh cần tránh việc lạm dụng điện thoại, sử dụng quá nhiều thời gian cho các ứng dụng giải trí, mạng xã hội, chơi game, xem video... gây ảnh hưởng đến việc học tập và sức khỏe. - Luận điểm 2: Phân tích bản chất của vấn đề + Thực trạng: Lý lẽ - dẫn chứng + Nguyên nhân: Lý lẽ - dẫn chứng + Hậu quả: Lý lẽ - dẫn chứng - Luận điểm 3: Nêu ý kiến trái chiều và phản bác: Một số người cho rằng điện thoại thông minh là công cụ hữu ích, giúp học sinh tiếp cận thông tin, học tập, giải trí và kết nối với bạn bè. Tuy nhiên, quan điểm này chỉ đúng khi học sinh sử dụng điện thoại một cách hợp lý và có kiểm soát. Nếu lạm dụng, điện thoại thông minh sẽ trở thành "con dao hai lưỡi", gây ra nhiều tác hại hơn là lợi ích. - Luận điểm 4: Đề xuất giải pháp có tính khả thi: + Vai trò của học sinh. + Vai trò của gia đình. + Vai trò của nhà trường. + Liên hệ bản thân.	0,5 1,0 1,0
Kết bài:	Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng đắn và giải quyết thoả đáng vấn đề nêu ra.	0,25

c. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
d. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần giải quyết; đề xuất các giải pháp mới mẻ, hợp lý, thuyết phục.	0,25

